**TOÀ ÁN NHÂN DÂN**
**HUYỆN CẨM KHÊ**
**TỈNH PHÚ THỌ**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
**Độc lập- Tự do - Hạnh Phúc**

Bản án số: 13/2024/HNGĐ-ST
Ngày 31 tháng 01 năm 2024
V/v: "Tranh chấp về
Hôn nhân và gia đình".

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CẨM KHÊ - TỈNH PHÚ THỌ**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà*: Ông Hà Tiến Nghị.

*Các Hội thẩm nhân dân*: Ông Nguyễn Văn Trò và ông Trần Văn Thành.

- ***Thư ký phiên toà***: Ông Nguyễn Hải Phú - Thư ký Toà án nhân dân huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cẩm Khê tham gia phiên toà***: Ông Nguyễn Văn Tiến - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 01 năm 2024, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 48/2023/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 11 năm 2023 về việc "Tranh chấp Hôn nhân và gia đình", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 13/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 02 tháng 01 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 12/2024/QĐST–HNGĐ ngày 16 tháng 01 năm 2024 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Lò Thị T, sinh năm 1988.

Địa chỉ: Bản M, xã M, huyện S, tỉnh Sơn La.

Bị đơn: Anh Nguyễn Thành C, sinh năm 1983.

Địa chỉ: Khu X, xã C, huyện C, tỉnh Phú Thọ.

*(Chị T có đơn xin giải quyết vắng mặt, anh C vắng mặt lần 2 không có lý do)*

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

*1, Tại đơn khởi kiện ngày 13/11/2023 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Lò Thị T trình bày*: Chị và anh Nguyễn Thành C kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 16/9/2013 tại UBND xã M, huyện S, tỉnh Sơn

La. Trước khi kết hôn được tự nguyện tìm hiểu. Sau khi kết hôn vợ chồng hoà thuận hạnh phúc đến năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm trong cuộc sống nên thường xuyên cãi vã. Đến tháng 01/2021, chị T đã về nhà mẹ đẻ ở, không quay về chung sống cùng anh C nữa, vợ chồng ly thân từ đó không ai quan tâm đến ai. Nay chị xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nên chị xin được ly hôn anh C.

Về con chung: Chị và anh C có 01 con chung là Nguyễn Thanh T1, sinh ngày 05/11/2016. Hiện nay cháu T1 đang ở cùng anh C, khi ly hôn chị xin để anh C trực tiếp nuôi dưỡng con chung và chị không phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung; nghĩa vụ chung về tài sản; công sức: Chị T không yêu cầu giải quyết.

*2, P bị đơn anh Nguyễn Thành C:* Toà án nhân dân huyện Cẩm Khê đã gửi giấy báo làm việc nhiều lần nhưng anh C đều vắng mặt.

*3, Tại biên bản lấy lời khai ngày 02/01/2024 bà Đỗ Thị X trình bày:* Bà là mẹ đẻ của anh C và là mẹ chồng của chị T. Chị T và anh C được tự nguyện tìm hiểu đăng ký kết hôn ngày 16/9/2013 tại UBND xã M, huyện S, tỉnh Sơn La. Trước khi kết hôn anh chị được tự nguyện tìm hiểu. Sau khi kết hôn chị T, anh C về chung sống tại khu X, xã C, huyện C, tỉnh Phú Thọ. Quá trình chung sống của anh chị, bà không thấy anh chị có mâu thuẫn gì. Hiện nay anh chị đã ly thân, không còn chung sống với nhau. Nay chị T xin ly hôn anh C, quan điểm của bà và gia đình là không liên quan vì đây là việc cá nhân của anh chị. Chị T và anh C có 01 con chung là cháu Nguyễn Thanh T1, sinh ngày 05/11/2016. Cháu T1 ở với anh C và bà tại khu X, xã C. Cháu T1 được anh C và gia đình bà trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Trường hợp nếu anh chị ly hôn thì quan điểm của bà là đề nghị Toà án giải quyết theo quy định của pháp luật.

*4, Qua xác minh tại UBND xã C, huyện C ngày 13/12/2023 được đại diện chính quyền địa phương cung cấp:* Chị T và anh Chung kết h trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 16/9/2013 tại UBND xã xã M, huyện S, tỉnh Sơn La. Sau khi kết hôn chị T, anh C về chung sống tại khu X, xã C, huyện C, tỉnh Phú Thọ. Quá trình chung sống, giữa chị T và anh C có phát sinh mâu thuẫn. Thời điểm hiện tại, chị T và anh C không còn chung sống với nhau trên địa bàn địa phương. Nay chị T xin ly hôn đề nghị Toà án giải quyết theo quy định của pháp luật. Về con chung: Chị T và anh C có 01 con chung là cháu Nguyễn Thanh T1, sinh ngày 05/11/2016. Hiện nay cháu T1 đang ở cùng anh C tại khu X, xã C, huyện C, tỉnh Phú Thọ, được anh C trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng. Chị T xin ly hôn anh C, quan điểm của địa phương về vấn đề con chung là đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tại phiên toà kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử (HĐXX) và việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm HĐXX nghị án đều thực hiện đúng theo quy định pháp luật không có vi phạm gì, bị đơn vi phạm về nghĩa vụ quy đinh tại khoản 15, 16 Điều 70 Bộ luật tố tụng dân sự và phát biểu ý kiến về quan điểm giải quyết vụ án. Đề nghị HĐXX căn cứ khoản 1 điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 58; khoản 1 Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1, Điều 28; điểm a, khoản 1, điều 35; điểm a, khoản 1, điều 39; khoản 4 điều 147; điểm b khoản 2, Điều 227; khoản 1, 3 điều 228; Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ quốc hội ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Lò Thị T được ly hôn anh Nguyễn Thành C.

Về con chung: Giao con chung chưa thành niên là Nguyễn Thanh T1, sinh ngày 05/11/2016 cho anh Nguyễn Thành C trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục kể từ khi vợ chồng ly hôn cho đến khi con chung thành niên (đủ 18 tuổi). Chị Lò Thị T không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh C. Chị T có quyền đi lại thăm nom con chung, không ai được cản trở.

Về tài sản chung; Nghĩa vụ chung về tài sản; Công sức: Chị T không yêu cầu giải quyết nên không xem xét đến.

Về án phí: Chị Lò Thị T phải chịu 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả thẩm tra tại phiên toà Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng dân sự:

[1.1]. Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Đây là tranh chấp về Hôn nhân và gia đình được quy định tại khoản 1, điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

[1.2]. Về thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Bị đơn anh Nguyễn Thành C có hộ khẩu thường trú tại khu X, xã C, huyện C, tỉnh Phú Thọ. Căn cứ điểm a, khoản 1, điều 35; điểm a, khoản 1, điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ.

[1.3]. Về sự vắng mặt của nguyên đơn, bị đơn: Chị T có đơn xin được giải quyết xét xử vắng mặt. Phía anh C đã được Tòa án tống đạt Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa một cách hợp lệ nhưng anh C vẫn vắng mặt lần thứ 02 tại phiên tòa mà không có lý do. Căn cứ điểm b khoản 2, Điều 227; khoản 1, 3 điều 228; Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân huyện Cẩm Khê tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[2]. Về nội dung: Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án và được xem xét tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận thấy:

[2.1]. Về quan hệ hôn nhân: Cuộc hôn nhân giữa chị T và anh C là hoàn toàn hợp pháp được UBND Mường Lầm, huyện S, tỉnh Sơn La cho đăng ký kết hôn ngày 16/9/2013. Chị T trình bày sau khi kết hôn vợ chồng hoà thuận hạnh phúc đến tháng năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm trong cuộc sống nên thường xuyên cãi vã, chị T đã về nhà mẹ đẻ ở từ tháng 01/2021, không quay về chung sống cùng anh C nữa, vợ chồng ly thân từ đó không ai quan tâm đến ai. Nay chị xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nên chị xin được ly hôn anh C. Phía anh C đã được Tòa án báo gọi nhiều lần, anh C biết việc Tòa án đang giải quyết việc ly hôn giữa chị T và anh nhưng anh không đến Tòa án làm việc để thể hiện quan điểm của mình. Tòa án nhân dân huyện Cẩm Khê đã tiến hành xác minh về quan hệ hôn nhân của anh chị và được đại diện chính quyền địa phương cung cấp chị T, anh C đã ly thân, không còn chung sống với nhau. Xét thấy cuộc hôn nhân giữa chị T và anh C đã mâu thuẫn rất trầm trọng, đời sống chung không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy cần xử cho chị T được ly hôn anh C là phù hợp với khoản 1 điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[2.2] Về con chung: Chị T và anh C có 01 con chung là Nguyễn Thanh T1, sinh ngày 05/11/2016. Khi ly hôn chị T đề nghị Tòa án giải quyết cho anh C được quyền trực tiếp chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con chung và chị không cấp dưỡng nuôi con. Quá trình xác minh tại địa phương và gia đình anh C, nhận thấy: Anh C có chỗ ở ổn định, cháu Nguyễn Thanh T1 được anh C trực tiếp nuôi dưỡng từ nhỏ đến nay, hiện cháu T1 đang đi học tại địa bàn xã C, huyện C. Cháu T1 có nguyện vọng xin được ở với anh C. Vì vậy, cần giao cháu T1 cho anh C trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng, chị T không phải cấp dưỡng nuôi con cùng anh C là phù hợp.

[2.3]. Về tài sản chung; nghĩa vụ chung về tài sản; công sức: Chị T không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét đến.

[3]. Về án phí: Chị T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

**QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 1 điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 58; khoản 1 Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1, Điều 28; điểm a, khoản 1, điều 35; điểm a, khoản 1, điều 39; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2, Điều 227; khoản 1, 3 điều 228; Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ quốc hội ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

[1]. Về quan hệ hôn nhân: Chị Lò Thị T được ly hôn anh Nguyễn Thành C.

[2]. Về con chung: Giao con chung chưa thành niên là Nguyễn Thanh T1, sinh ngày 05/11/2016 cho anh Nguyễn Thành C trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục kể từ khi vợ chồng ly hôn cho đến khi con chung thành niên (đủ 18 tuổi). Chị Lò Thị T không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh C. Chị T có quyền đi lại thăm nom con chung, không ai được cản trở.

[3]. Về tài sản chung; Nghĩa vụ chung về tài sản; Công sức: Chị T không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét đến.

[4]. Về án phí: Chị Lò Thị T phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm. Xác nhận chị T đã nộp 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai số 0004733 ngày 13/11/2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

[5]. Về quyền kháng cáo: Các đương sự (vắng mặt) có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc bản án được niêm yết để đề nghị Toà án nhân dân tỉnh Phú Thọ xét xử theo trình tự phúc thẩm./.

***Nơi nhận*:**
- VKSND huyện Cẩm Khê;
- Các đương sự;
- UBND xã M, huyện S, tỉnh Sơn La;
- Chi cục THADS huyện Cẩm Khê;
- Lưu HS+ VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà**

**Hà Tiến Nghị**